

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 2- NGHỆ AN **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 120/2026/HS-ST
Ngày 25-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Loan Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Công Cương; ông Đậu Khắc Thân

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Xuân Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2-Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Nghệ An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2-Nghệ An mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 122/2026/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2026/QĐXXST-HS ngày 10/8/2026 đối với bị cáo: Trần Minh T; Số CCCD: 040096001915. Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 06 tháng 02 năm 1996. Nơi cư trú: xóm B, xã T, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: công nhân; TĐVH: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Con ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị L; Bị cáo có vợ là Trần Thị T1, sinh năm 1997 và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" và "Tạm hoãn xuất cảnh" từ ngày 25/6/2026 đến ngày 25/8/2026.

- Bị hại: Công ty Cổ phần C;

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Đức Q- Chức vụ: Giám đốc; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: Căn hộ C, tòa C, đơn nguyên A, T, xã A, tp Hà Nội. CCCD: 042091006980.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/6/2026, Trần Minh T là nhân viên Phòng an toàn thuộc Khu công nghiệp WHA (tại xóm G, xã T, tỉnh Nghệ An) trực tại Trạm phòng cháy chữa cháy của khu công nghiệp, thời gian trực từ 14 giờ đến 22 giờ. Cuối buổi chiều, khi các công nhân lắp đặt màn hình LED tại Trạm phòng cháy chữa cháy nghỉ thì T phát hiện ở góc bên trái sát cửa ra vào của T2 có chiếc hộp hình chữ nhật, sơn màu cam, cao khoảng 30cm, ngang 20cm, rộng 40cm. Tín mở hộp ra thì thấy bên trong có chiếc máy cân bằng Laser, nhãn hiệu Laisai, model LSG686SPD, màu cam - đen, máy cũ đã qua sử dụng (của Công ty Cổ phần C, đang phục vụ thi công, lắp đặt màn hình LED tại Trạm) nên nảy sinh ý định lấy trộm để bán lấy tiền. Đến khoảng 19 giờ 00 phút, khi hai người cùng ca trực đi ăn cơm, T lấy chiếc máy bỏ vào cốp

xe máy điện nhãn hiệu VinFast, màu sơn đen, biển số 37AG-073.82 (xe thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần W giao cho Phòng an toàn - Khu công nghiệp WHA quản lý và sử dụng) rồi điều khiển xe máy điện chở về cất giấu ở nhà mình tại xóm B, xã T. Sau đó, T quay lại tiếp tục làm việc cho đến hết ca trực.

Ngày 22/6/2026, anh Lê Văn Đ1, là chỉ huy trưởng thi công công trình lắp đặt màn hình Led tại Trạm Phòng cháy chữa cháy đến Công an xã T trình báo về việc bị mất trộm tài sản là chiếc máy cân bằng Laser.

Cùng ngày 22/6/2026, Trần Minh T đến Công an xã T, tỉnh Nghệ An đầu thú và giao nộp lại chiếc máy đã lấy trộm.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KL-ĐG ngày 24/6/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tô tụng hình sự xã T, tỉnh Nghệ An, kết luận: “01 (một) chiếc máy cân bằng Laser, nhãn hiệu Laisai, model LSG686SPD, màu cam - đen, đã qua sử dụng, sản xuất tại nước ngoài trị giá 2.300.000 đồng”.

Tại bản Cáo trạng số 92/CT-VKSNAN-KV ngày 06/8/2026, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2-Nghệ An truy tố Trần Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng truy tố; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt Trần Minh T từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Công ty Cổ phần C đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì thêm.

- Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Q1 về Lệ phí, án phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo với bị cáo và những người tham gia tố tụng theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng, xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1} Về hành vi tố tụng của cơ quan điều tra công an tỉnh N và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Nghệ An và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự. Việc xác minh, thu thập vật chứng đúng trình tự, khách quan; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, khẳng định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

{2} Về cấu thành tội phạm: Tại phiên tòa hôm nay, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người tham gia tố tụng trong hồ sơ; phù hợp với các tài liệu,

chứng cứ cũng như nội dung của bản Cáo trạng và trong quá trình tranh tụng; Có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 20/6/2026, tại Trạm phòng cháy chữa cháy thuộc Phòng an toàn - Khu công nghiệp WHA ở xóm G, xã T, tỉnh

Nghệ An; Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Trần Minh T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc máy cân bằng Laser, nhãn hiệu Laisai, model LSG686SPD, màu cam - đen của Công ty Cổ phần C, tài sản bị trộm cắp có trị giá là 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2-Nghệ An truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 với các tội danh "Trộm cắp tài sản" là đúng với quy định của pháp luật.

{3} Xét tính chất vụ án, nhân thân, tình tiết định khung hình phạt, tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Đây là vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi bột phát, đơn giản. Mục đích phạm tội xuất phát từ nhu cầu tiêu xài cho cá nhân. Hành vi kẻ trên là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; Việc điều tra, truy tố và xét xử nhanh chóng vụ án là một việc làm kịp thời của các cơ quan tiến hành tố tụng, nó không chỉ là bài học cho bị cáo mà còn là tiếng chuông cảnh tỉnh cho những thanh thiếu niên không lo lao động làm ăn mà chỉ muốn chơi bời hưởng thụ bất chính.

- Định khung hình phạt: bị cáo có 01 hành vi trộm cắp tài sản trị giá 2.300.000 đồng nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng quy định.

- Tình tiết tăng nặng: không.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tài sản chiếm đoạt giá trị không lớn; Sau khi phạm tội đã tự nguyện giao nộp tài sản, khắc phục hậu quả kịp thời. Nhận thức được sai phạm nên đã ra đầu thú; Bị cáo có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng; Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về hình phạt chính; hình phạt bổ sung:

Dựa vào các nhận định trên, cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 173, Bộ luật Hình sự năm 2015; xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi lượng hình và lên cho bị cáo mức án dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

Do bị cáo là công nhân có mức thu nhập thấp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

{4} Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã giao nộp lại tài sản và được trả cho chủ sở hữu. Chủ sở hữu không có yêu cầu gì nên không xét.

Bị cáo phải chịu án phí; Bị cáo và người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về Án phí, lệ phí Tòa án.

{1} Tuyên bố bị cáo: Trần Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

{2} Xử phạt Trần Minh T 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Nghệ An và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng điều 87 luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo này theo quy định tại Điều 89 Luật Thi hành án Hình sự năm 2025.

{3} Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Q1 về Lệ phí, án phí Tòa án buộc Trần Minh T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

{4} Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận :

- TAND T.Nghệ An;
- VKSND khu vực 2-.Nghệ An;
- T.H.A dân sự T.Nghệ An;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng TANDKV 2-Nghệ An.

Đinh Loan Hòa